

chéo các cột 1, 2, 3, 4 và 5 của Phiếu lý lịch tư pháp; nếu đương sự có tiền án thì ghi rõ tội danh, điều luật được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung (nếu có) và ngày, tháng, năm tuyên bản án đã có hiệu lực pháp luật; nếu có nhiều tiền án thì ghi thứ tự các tiền án theo thời gian.

Trong trường hợp đương sự có án, nhưng đủ điều kiện để được đương nhiên xóa án tích hoặc được xóa án tích có điều kiện theo quy định của pháp luật hình sự, thì Sở Tư pháp hướng dẫn cho đương sự làm thủ tục yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền xóa án tích theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

#### b) Cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Phiếu lý lịch tư pháp chỉ có một loại bản chính, không được phép sao. Tùy theo mục đích yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của đương sự, Sở Tư pháp cấp cho đương sự số lượng phiếu cần thiết.

#### 4. Lưu trữ hồ sơ lý lịch tư pháp.

Hồ sơ lý lịch tư pháp bao gồm đơn yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, các giấy tờ kèm theo của đương sự và Phiếu xác minh lý lịch tư pháp có ghi kết quả tra cứu hồ sơ của cơ quan công an, kết quả tra cứu hồ sơ của tòa án (nếu có).

Hồ sơ lý lịch tư pháp phải được lưu trữ, bảo quản tại Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thuộc ngành mình trong việc thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Sở Tư pháp, Công an cấp tỉnh bố trí cán bộ có chuyên môn phù hợp làm công tác lý lịch tư pháp; đối với các tỉnh, thành phố có nhiều yêu cầu về cấp Phiếu lý lịch tư pháp, thì phải bố trí cán bộ chuyên trách công tác này.

3. Định kỳ 6 tháng, 1 năm, Sở Tư pháp có trách nhiệm báo cáo về Bộ Tư pháp, Công an cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo về Bộ Công an tình hình thực hiện Thông tư liên tịch này.

4. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an cấp tỉnh báo cáo về Bộ Tư pháp, Bộ Công an để xem xét, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Công an  
Thủ trưởng

LÊ THẾ TIỆM

KT. Bộ trưởng Bộ Tư pháp  
Thủ trưởng

HÀ HÙNG CƯỜNG

#### BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**QUYẾT ĐỊNH số 3619/1998/QĐ-BGTVT**  
ngày 31/12/1998 ban hành Điều  
lệ tạm thời về tổ chức và hoạt động  
của Cục Đường sông Việt Nam.

#### BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22/3/1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 08/CP ngày 30/1/1993 của Chính phủ về việc thành lập Cục Đường sông Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Văn bản số 2891/VPCP-KTN ngày 28/7/1998 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc giao cho Bộ Giao thông vận tải ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Đường sông Việt Nam và Cục Đường sông Việt Nam;

Nhằm cụ thể hóa về tổ chức, chức năng, nhiệm



*vu, quyền hạn và trách nhiệm của Cục Đường sông Việt Nam;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam tại Tờ trình số 1159/CĐS-TCCB ngày 23/9/1998 và Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ - Lao động,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này bản "Điều lệ tạm thời về tổ chức và hoạt động của Cục Đường sông Việt Nam".

#### Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, Cục Đường sông Việt Nam cần tổng kết rút kinh nghiệm, đề nghị Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo cơ chế quản lý ngành đường sông có hiệu lực trong phạm vi cả nước, để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính thức.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam, các Vụ trưởng, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ căn cứ phạm vi trách nhiệm của mình, thi hành Quyết định này.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

LÊ NGỌC HOÀN

### ĐIỀU LỆ tạm thời về tổ chức và hoạt động của Cục Đường sông Việt Nam

*(ban hành kèm theo Quyết định số 3619/1998/QĐ-BGTVT ngày 31/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).*

#### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Cục Đường sông Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải được thành lập theo Nghị định số 08/CP ngày 30/1/1993 của Chính phủ.

Tên giao dịch quốc tế viết bằng tiếng Anh: VIETNAM INLAND WATERWAYS ADMINISTRATION.

Viết tắt là: VIWA.

Cục Đường sông Việt Nam là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông và vận tải đường sông trong phạm vi cả nước, bao gồm giao thông và vận tải trên sông, hồ, kênh đào, đường ven vịnh, đường từ bờ ra đảo và giữa các đảo trong nội thủy (trong văn bản này gọi chung là đường sông).

**Điều 2.** Cục Đường sông Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, có trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội.

#### Chương II

#### NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CỤC ĐƯỜNG SÔNG VIỆT NAM

##### Điều 3. Về lĩnh vực pháp luật:

1. Xây dựng và tham gia xây dựng các dự án luật, các văn bản dưới luật, các cơ chế chính sách thuộc chuyên ngành giao thông vận tải đường sông, để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trình cấp có thẩm quyền ban hành, hoặc ban hành theo thẩm quyền.

2. Tham gia soạn thảo, đàm phán ký kết các điều ước quốc tế về giao thông, vận tải đường sông; kiến nghị về tham gia hoặc sửa đổi, gia hạn, bãi bỏ những điều ước quốc tế về giao thông, vận tải đường sông mà phía Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định.

3. Tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các văn bản pháp quy của Bộ về giao thông vận tải đường sông trong phạm vi cả nước. Kiến nghị với Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về các vấn đề có liên quan đến quản lý giao thông và vận tải đường sông, để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ ban hành.

4. Tham gia với các cơ quan có liên quan về

09635478

www.ThuVienPhapLuat.com



việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật đối với viên chức và lao động thuộc ngành giao thông vận tải đường sông và tuyên truyền pháp luật giao thông vận tải đường sông đối với toàn xã hội.

5. Tham gia xem xét, đề xuất biện pháp giải quyết hoặc giải quyết theo thẩm quyền các tranh chấp pháp lý quốc tế trong phạm vi hoạt động giao thông vận tải đường sông.

**Điều 4.** Về lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch và đầu tư phát triển:

1. Căn cứ vào phương hướng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước để xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về phát triển giao thông và vận tải đường sông trong phạm vi cả nước, để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ phê duyệt.

Hướng dẫn, giúp đỡ kỹ thuật, nghiệp vụ cho các địa phương về lập quy hoạch, kế hoạch phát triển giao thông vận tải địa phương.

2. Trực tiếp quản lý vốn bảo trì đường sông Trung ương, quản lý các dự án đầu tư xây dựng theo quy định của Chính phủ và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Tham gia ý kiến với các cơ quan có liên quan xây dựng các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn trong nước và nước ngoài nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư về lĩnh vực giao thông vận tải đường sông.

4. Giao chỉ tiêu kế hoạch (hoặc đơn đặt hàng) bảo trì đường sông cho các đơn vị trực thuộc và các Sở Giao thông vận tải (Giao thông công chính) được ủy thác quản lý đường sông trung ương.

5. Hướng dẫn, theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra các đơn vị trực thuộc và các Sở Giao thông vận tải hoặc Sở Giao thông công chính (phần kế hoạch ủy thác hay đặt hàng) trong việc quản lý, bảo trì đường sông và thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

**Điều 5.** Về lĩnh vực quản lý cơ sở hạ tầng giao thông đường sông:

1. Tổ chức quản lý quy hoạch, kế hoạch bảo trì hệ thống đường sông.

2. Tổ chức và chỉ đạo việc quản lý, bảo trì, khai thác cơ sở hạ tầng giao thông đường sông và bố trí hệ thống báo hiệu đường sông bảo đảm an toàn và khai thác hiệu quả đối với hệ thống đường sông theo phân cấp. Hướng dẫn các Sở Giao thông vận tải (Giao thông công chính) thực hiện các chế độ, quy trình, quy phạm quản lý và khai thác hệ thống đường sông địa phương.

3. Phối hợp với các cơ quan, chính quyền địa phương và các ngành có liên quan trong việc quản lý và bảo vệ các công trình giao thông đường sông theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức công tác bảo đảm giao thông thông suốt, đồng thời hỗ trợ các địa phương đảm bảo giao thông khi có thiên tai, dịch họa xảy ra.

5. Công bố các luồng giao thông đường sông; cấp phép sử dụng vùng nước đường sông trên tuyến sông do Trung ương quản lý.

6. Công bố mở, đóng cảng, bến thủy nội địa thuộc thẩm quyền trên các tuyến đường sông do Trung ương quản lý; tổ chức thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước tại các cảng, bến thủy nội địa.

7. Cung cấp các loại bản đồ, tài liệu và thông tin giao thông vận tải đường sông cho các đơn vị có liên quan theo quy định.

**Điều 6.** Về lĩnh vực vận tải đường sông:

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch và cơ chế chính sách về vận tải và phát triển phương tiện vận tải đường sông phù hợp với tình hình luồng lạch để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ ban hành, hoặc ban hành theo thẩm quyền. Cục Đường sông Việt Nam hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện.

2. Tham gia xây dựng hoặc xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật về phương tiện cơ giới đường sông, bao gồm các lĩnh vực đóng mới, hoán cải, sửa chữa, xuất nhập khẩu và khai thác phương tiện (kể cả phương tiện cơ giới đường sông đã qua sử dụng) để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo thẩm quyền; Cục Đường sông Việt Nam phối hợp hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện.



3. Nghiên cứu, xây dựng chính sách bảo hộ đối với ngành vận tải đường sông để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ quyết định.

4. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đăng ký phương tiện thủy nội địa trong phạm vi cả nước.

5. Cấp phép cho phương tiện cơ giới đường sông của tổ chức, cá nhân Việt Nam ra nước ngoài và phương tiện của tổ chức, cá nhân nước ngoài vận chuyển hàng hóa, hành khách trên đường sông Việt Nam theo phân cấp của Bộ Giao thông vận tải, quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước Quốc tế đã được nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

6. Thực hiện chức năng kiểm tra việc đào tạo, sát hạch, cấp, đổi bằng các chức danh điều khiển tàu sông trong cả nước theo thẩm quyền. Tổ chức việc cấp, đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng tàu sông theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

#### **Điều 7. Về lĩnh vực an toàn giao thông vận tải:**

1. Xây dựng các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn và biện pháp đảm bảo an toàn giao thông và vận tải đường sông trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành; Cục Đường sông Việt Nam hướng dẫn tổ chức và kiểm tra việc thực hiện.

2. Tổ chức, chỉ đạo lực lượng Thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải đường sông trong phạm vi toàn quốc. Xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với những vi phạm về an toàn giao thông và bảo vệ công trình giao thông đường sông.

3. Tham gia với các cơ quan có thẩm quyền trong việc quy định về tiêu chuẩn sức khỏe người điều khiển phương tiện đường sông; các quy định về kiểm tra dịch bệnh, cháy, nổ, ô nhiễm môi trường,... trên các phương tiện vận tải đường sông.

4. Tổ chức lực lượng cứu hộ, cứu nạn trên các tuyến đường sông.

5. Tham gia với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương phân tích nguyên nhân những vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng.

6. Thường trực chỉ đạo an toàn giao thông vận tải đường sông.

7. Tổ chức nghiên cứu, lưu giữ và tuyên truyền thông tin về an toàn giao thông vận tải đường sông.

#### **Điều 8. Về lĩnh vực kinh tế tài chính.**

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng chính sách, chế độ tài chính, kế toán, thống kê; phối hợp với các cơ quan có liên quan, hướng dẫn các Sở Giao thông vận tải (Giao thông công chính) được ủy thác sử dụng vốn đường sông theo quy định của Nhà nước và của Bộ Giao thông vận tải.

2. Chỉ đạo, tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với tính chất của từng loại hình doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp của Cục; kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung các chính sách, chế độ về công tác tài chính kế toán cho phù hợp với đặc thù của ngành.

3. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc lập kế hoạch thu chi tài chính (kể cả thu chi ngoại tệ), tổng hợp trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Giao và kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện kế hoạch thu chi tài chính theo quy định của Nhà nước và phân cấp của Bộ Giao thông vận tải.

4. Quản lý cơ sở vật chất, tài sản, kinh phí được giao theo quy định và phân cấp của Bộ Giao thông vận tải.

5. Xây dựng các chế độ thu phí, lệ phí về giao thông vận tải đường sông trình cơ quan có thẩm quyền ban hành; tổ chức thu các loại phí và lệ phí trong lĩnh vực giao thông và vận tải đường sông theo quy định.

6. Xây dựng khung giá cước vận tải, xếp dỡ, dịch vụ đường sông trình cơ quan có thẩm quyền công bố, hoặc công bố theo thẩm quyền.

7. Duyệt quyết toán và tổng hợp quyết toán tài chính thuộc phần ngân sách nhà nước cấp về sự nghiệp đường sông theo phân cấp của Bộ Giao thông vận tải, trình Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính phê duyệt. Phối hợp với cơ quan tài chính quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp tổ chức kiểm tra, phê duyệt báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp thuộc Cục và báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

8. Tổ chức thực hiện các quy định có liên quan về quản lý vốn đầu tư khi Cục được Chính phủ hoặc Bộ Giao thông vận tải giao là chủ đầu tư các



dự án phát triển giao thông, vận tải đường sông.

9. Thực hiện chế độ thống kê báo cáo theo quy định.

**Điều 9.** Về lĩnh vực khoa học công nghệ:

1. Xây dựng và tham gia xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải đường sông trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành; Cục Đường sông Việt Nam hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện.

2. Tổ chức nghiên cứu các đề tài khoa học và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ quản lý trong ngành giao thông vận tải đường sông.

3. Thực hiện chức năng Hội đồng khoa học công nghệ cấp ngành.

4. Hợp tác với các tổ chức khoa học công nghệ trong và ngoài nước để nghiên cứu các đề án phát triển ngành giao thông vận tải; tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên ngành giao thông vận tải đường sông.

5. Tổ chức thông tin khoa học công nghệ về giao thông vận tải đường sông.

**Điều 10.** Về lĩnh vực quan hệ quốc tế:

1. Xây dựng phương hướng, kế hoạch hợp tác quốc tế, đàm phán, soạn thảo văn bản về quan hệ hợp tác với các nước về giao thông vận tải đường sông, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt hoặc Bộ trưởng trình Chính phủ phê duyệt.

2. Đề xuất với Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trong việc tham gia (hoặc không tham gia) với các tổ chức quốc tế về giao thông vận tải đường sông; theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, được quan hệ với các tổ chức giao thông vận tải đường sông quốc tế.

3. Quản lý các dự án do quốc tế tài trợ cho ngành giao thông vận tải đường sông theo phân cấp của Bộ Giao thông vận tải. Tham gia ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp giấy phép hợp tác đầu tư nước ngoài và quản lý các tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam trong lĩnh vực giao thông vận tải đường sông.

**Điều 11.** Về lĩnh vực tổ chức, cán bộ và lao động:

1. Lập quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ công chức, viên chức và lao động thuộc Cục Đường sông Việt Nam để trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, Cục Đường sông Việt Nam tổ chức thực hiện.

2. Xây dựng các chức danh tiêu chuẩn công chức và viên chức, định mức lao động và chế độ lao động đặc thù thuộc chuyên ngành giao thông vận tải đường sông trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, Cục Đường sông Việt Nam hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra thực hiện.

3. Tổ chức kiểm tra, thanh tra các đơn vị thuộc Cục Đường sông Việt Nam và tham gia cùng các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra các đơn vị trong ngành giao thông vận tải đường sông thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm, bảo hộ lao động chuyên ngành.

4. Quản lý tổ chức, định biên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; đề nghị Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh lãnh đạo do Bộ Giao thông vận tải trực tiếp quản lý.

Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam được bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh còn lại thuộc Cục theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

5. Tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng công nhân viên chức chuyên ngành giao thông vận tải đường sông theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Tổ chức Hội đồng thi quốc gia thuyền máy trưởng tàu sông.

6. Chỉ đạo và tham gia với các cấp có thẩm quyền triển khai công tác bảo vệ chính trị nội bộ tại các đơn vị thuộc Cục Đường sông Việt Nam quản lý.

7. Đề nghị Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thành lập, giải thể, sắp xếp lại các tổ chức sự nghiệp, các doanh nghiệp trực thuộc Cục theo quy định của Chính phủ.

**Điều 12.** Về lĩnh vực thanh tra nhà nước:



1. Thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quyền quản lý nhà nước trực tiếp của Cục Đường sông Việt Nam; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo Pháp lệnh Khiếu nại, tố cáo và Quy chế hoạt động của Thanh tra Bộ Giao thông vận tải.

2. Tổng hợp hoạt động công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý trực tiếp của Cục để báo cáo Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

### Chương III

## TỔ CHỨC CỦA CỤC ĐƯỜNG SÔNG VIỆT NAM

**Điều 13.** Tổ chức của Cục Đường sông Việt Nam bao gồm:

1. Các cơ quan giúp việc Cục trưởng: Văn phòng, các Ban tham mưu và các tổ chức tương đương,
2. Các Chi cục quản lý đường sông theo khu vực,
3. Cảng vụ đường thủy nội địa theo khu vực,
4. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Cục (ban quản lý dự án, trường, tổ chức y tế...),
5. Các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Cục.

Việc thành lập, sáp nhập, sắp xếp lại, giải thể các Chi cục quản lý đường sông, Cảng vụ đường thủy nội địa, các đơn vị sự nghiệp (ban quản lý dự án, trường, tổ chức y tế...), các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Cục, do Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam đề nghị Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo thẩm quyền, hoặc Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**Điều 14.** Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đề nghị, Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ thẩm duyệt và Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm.

Phó Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam do Cục trưởng đề nghị Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm sau khi có trao đổi với Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam là người đứng đầu và lãnh đạo Cục theo chế độ thủ trưởng; các Phó Cục trưởng giúp việc Cục trưởng đảm nhiệm phần công việc quản lý nhà nước theo sự phân công của Cục trưởng. Khi Cục trưởng vắng mặt có một Phó Cục trưởng được ủy quyền thay mặt.

### Chương IV

## MỐI QUAN HỆ GIỮA CỤC ĐƯỜNG SÔNG VIỆT NAM VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ LIÊN QUAN VÀ CÁC CƠ QUAN GIÚP VIỆC BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**Điều 15.** Cục Đường sông Việt Nam chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và chịu sự quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ về những lĩnh vực có liên quan.

**Điều 16.** Theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường sông Việt Nam được quyền quan hệ trực tiếp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các địa phương để giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

### Điều 17.

1. Cục Đường sông Việt Nam chịu sự hướng dẫn và kiểm tra nghiệp vụ quản lý của các cơ quan tham mưu giúp việc Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Cục Đường sông Việt Nam có quan hệ phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan khác có liên quan trong việc quản lý, khai thác, sử dụng, kiểm tra và thanh tra hệ thống công trình giao thông, nhằm đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt.

3. Cục Đường sông Việt Nam hướng dẫn và phối hợp với các Sở Giao thông vận tải (Giao thông công chính) trong việc quy hoạch phát triển và tổ chức quản lý giao thông vận tải đường sông địa phương; chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện



chức năng quản lý nhà nước về giao thông vận tải đường sông ở địa phương theo thẩm quyền

### Chương V

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 18.** Điều lệ này có hiệu lực theo Quyết định ban hành, các quy định trước đây trái với Điều lệ này đều bãi bỏ.

**Điều 19.** Cục Đường sông Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan thực hiện bản Điều lệ này đảm bảo cơ chế quản lý ngành đường sông có hiệu lực trong phạm vi cả nước.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

LÊ NGỌC HOÀN

## BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**QUYẾT ĐỊNH số 04/1999/QĐ/BNN-KL**  
ngày 06/1/1999 phê duyệt Phương  
án trang bị vũ khí quân dụng cho  
lực lượng kiểm lâm.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 39/CP ngày 15/5/1994 của Chính phủ về hệ thống tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm lâm;*

*Căn cứ Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;*

*Xét Tờ trình số 01/KL-QLBVR ngày 04 tháng 1 năm 1999 của Cục trưởng Cục Kiểm lâm về việc đề nghị phê duyệt Phương án trang bị vũ khí quân dụng cho lực lượng kiểm lâm,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án trang bị vũ khí quân dụng cho lực lượng kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và kiểm lâm các Vườn Quốc gia.

Giao Cục Kiểm lâm tổ chức cấp phát cho các đơn vị với số lượng, chủng loại vũ khí quân dụng và cơ số đạn theo phương án được duyệt kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chi Cục trưởng Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Vườn Quốc gia chịu trách nhiệm tổ chức tiếp nhận an toàn, đầy đủ số vũ khí được giao, phối hợp với cơ quan công an tỉnh để thực hiện các thủ tục đăng ký, cấp giấy phép sử dụng, xây dựng phương án quản lý, sử dụng, bảo quản vũ khí của đơn vị; phối hợp với cơ quan quân sự địa phương tổ chức huấn luyện về bảo dưỡng, bảo quản, sử dụng vũ khí quân dụng hàng năm cho lực lượng kiểm lâm thuộc quyền quản lý của mình; bảo đảm việc quản lý, sử dụng vũ khí phục vụ cho công tác quản lý - bảo vệ rừng, quản lý lâm sản được thực hiện theo đúng Quy chế quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ban hành kèm theo Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996 của Chính phủ và Thông tư số 05/TT-BNV(C13) ngày 28/9/1996 của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) về hướng dẫn thực hiện một số vấn đề trong Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

**Điều 3.** Cục trưởng Cục Kiểm lâm có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo: theo dõi tổng hợp số lượng, chất lượng và tình hình sử dụng vũ khí của toàn lực lượng; xây dựng kế hoạch sửa chữa, bổ sung vũ khí hàng năm cho lực lượng; tổ chức tập huấn ban đầu cho các đơn vị về quản lý, bảo quản, sử dụng vũ khí; thực hiện chế độ thanh tra, kiểm tra việc quản lý, bảo quản, sử dụng vũ khí và công cụ hỗ trợ của các đơn vị trong toàn lực lượng kiểm lâm.